



TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC

TRẦN HUYỀN TRÂN

Rau tần

THƠ

Sau ánh sáng

TIỂU THUYẾT

Bóng người trên gác kính

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC

TRẦN HUYỀN TRÂN

Rau tần

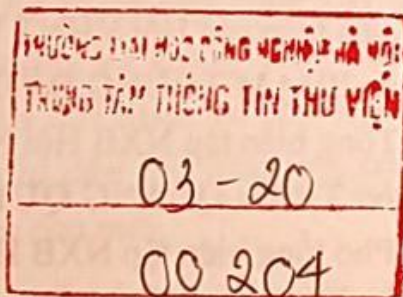
THƠ

Sau ánh sáng

TIỂU THUYẾT

Bóng người trên gác kính

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nền văn học cách mạng Việt Nam được Bác Hồ đặt nền móng từ những năm đầu thế kỷ 20 và có bước phát triển rực rỡ từ sau Cách mạng tháng 8/1945, đặc biệt là trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Đó là thành tựu to lớn và phong phú cả về nội dung, tư tưởng, nghệ thuật và đội ngũ sáng tác. Những tác phẩm văn học kết tinh tài năng, tâm huyết của nhiều thế hệ nhà văn đã đi vào ký ức hàng triệu người Việt Nam, góp phần nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách con người Việt Nam, làm giàu có thêm những giá trị văn hóa Việt Nam mà ông cha ta đã dày công xây dựng. Tập đại thành văn học cách mạng và kháng chiến là bức tượng đài kỳ vĩ ghi lại diện mạo đất nước và con người Việt Nam về một thời kỳ vĩ đại của dân tộc, đưa tiến trình hiện đại hóa văn học lên một tầm cao mới.

Nhằm tôn vinh những đóng góp to lớn vào nền văn học cách mạng, Đảng và Nhà nước quyết định trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước cho các tác phẩm văn học xuất sắc. Tiếp theo bộ sách văn học được Giải thưởng Hồ Chí Minh do Nhà xuất bản Văn Học xuất bản, Nhà nước đã quyết định giao cho Hội Nhà văn Việt Nam và

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn thực hiện dự án "Công bố và phổ biến các tác phẩm văn học được Giải thưởng Nhà nước" (giai đoạn thực hiện 2014 - 2015).

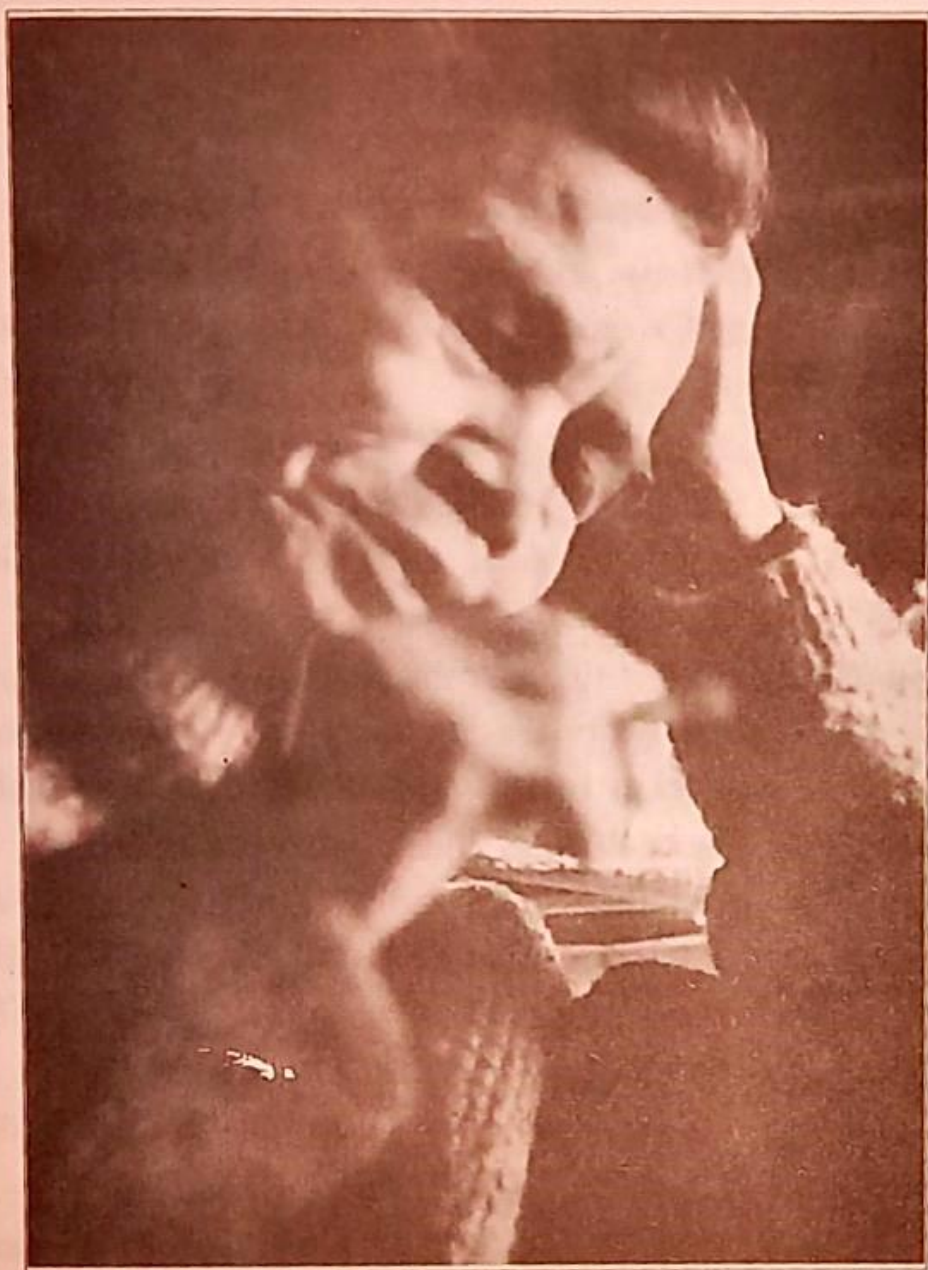
Việc Nhà nước đầu tư xuất bản bộ sách lớn này không chỉ động viên, khích lệ các nhà văn tiếp tục lao động sáng tạo mà còn là công trình thực hiện Nghị quyết 9, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI: "Xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước". Với ý nghĩa ấy, tác phẩm của mỗi tác giả được trân trọng in riêng; tôn trọng tính lịch sử, tính nguyên bản và thống nhất về quy cách, chất lượng, thẩm mỹ... theo tiêu chí của Chính phủ.

Với lòng trân trọng và ý thức trách nhiệm cao, tập thể cán bộ, biên tập viên Nhà xuất bản đã hoàn thành bộ sách quý với sự cố gắng cao nhất. Bộ sách gồm những tác phẩm của 121 tác giả được trao Giải thưởng Nhà nước qua ba đợt, năm 2001, năm 2007 và năm 2012.

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn chân thành cảm ơn sự quan tâm và tạo điều kiện của các cơ quan chức năng của Chính phủ, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Ban chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam giúp đỡ chúng tôi thực hiện dự án quan trọng này.

Xin trân trọng giới thiệu bộ sách đến bạn đọc trong và ngoài nước.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



Nhà văn
TRẦN HUYỀN TRÂN
(1913-1989)

TIỂU SỬ

* Trần Huyền Trân tên thật là Trần Đình Kim.

Các bút danh chính (theo thời gian): Trần Kim, Bình Minh, Thường Dân, Lê Dân, Thanh Giám, Trần Huyền Trân, Đỗ Quyên.

Sinh ngày 13 tháng 9 năm 1913 tại Hà Nội. Mất ngày 22 tháng 4 năm 1989 tại Hà Nội. Quê quán: Làng Giang, xã Nhân La, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Xuất thân trong một gia đình nghèo, cha mất năm 13 tuổi. Bản thân học trung học đến năm thứ hai phải bỏ học để kiếm sống. Đã làm nhiều nghề: Thợ nguội, thợ chiếu phim, dạy học tư, viết văn, chủ bút báo, lập ban kịch...

Trước Cách mạng tháng Tám: Viết văn, thơ đăng trên: Văn học tạp chí, Tân Việt văn đoàn, Bình dân văn đoàn, Bắc Hà tuần báo, Tiểu thuyết Thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Tao đàn tạp chí...

Chủ bút Bắc Hà tuần báo (từ tháng 8/1936 đến tháng 3/1937).

Tham gia Mặt trận Việt Minh và Hội Văn hóa cứu quốc năm 1943. Viết báo: Cứu quốc, Cờ giải phóng, Tạp chí Tiên phong. Tham gia Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội tháng 8 năm 1945. Trưởng ban Kiểm duyệt ca kịch và điện ảnh - Sở Thông tin tuyên truyền Bắc Bộ. Trong kháng chiến: Trưởng ban Nhạc kịch Nha Thông tin Việt Nam, phụ trách ngành Kịch đoàn Văn công Trung ương. Hòa bình lập lại: làm việc tại Ban Sân khấu - Vụ Nghệ thuật phụ trách ngành Chèo. Chỉ đạo nghệ thuật, phụ trách đoàn Văn công nhân dân Hà Nội, đoàn Chèo Hà Nội.

TRẦN HUYỀN TRẦN

Phụ trách đối ngoại Sở Văn hóa Hà Nội, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam.

* Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

* Ủy viên thường vụ Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam (1957-1983).

* Ủy viên thường vụ Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội (1967-1977).

TÁC PHẨM

Viết văn, làm thơ, viết kịch từ năm 20 tuổi.

* Thơ: Rau tảo (1986), Trần Huyền Trân - Rau tảo (1995), Thơ mới - 1932-1945 (in chung), Thơ Trần Huyền Trân - Tuyển tập (2001).

* Văn: hiện có 54 tác phẩm gồm tiểu thuyết, truyện dài, truyện ngắn.

Tiểu thuyết: Ai tình (Phát súng lục - 1935), Công chúa Lào (1935), Bóng người trên gác kinh (1939), Tấm lòng người kỹ nữ (1939), Sau ánh sáng (1940), Người ngàn thu cũ (1942).

Truyện dài: Nắng chiều (1935), Vô duyên (1936), Nhọc nhân (1937), Trúc se ngọn thỏ (1939), Đứa con tội lỗi (1942).

Truyện ngắn: Tập truyện ngắn Lẽ sống (1942) gồm 14 truyện và 29 truyện ngắn khác.

* Sân khấu (những tác phẩm tiêu biểu): Sưu tảo, chinh lý, cải biên và đạo diễn ba vở chèo cổ: Quan Âm Thị Kính, Vân đại, Trương Viên. Cùng các vở: Lam Sơn tụ nghĩa (kịch thơ - đạo diễn), Thạch Sanh (đạo diễn), Những cô thợ dệt (tác giả - đạo diễn/viết chung), Tú Uyên Giáng Kiều (tác giả - đạo diễn), Ni cô Đàm Vân (chuyển thể chèo - đạo diễn). Tác giả, đạo diễn nhiều vở kịch, kịch thơ, chèo và một số kịch bản sân khấu chưa công bố.

* Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.

RAU TẦN

Thơ

THAY LỜI NÓI ĐẦU*

Vào đầu mùa hè năm 45, trong lúc Hà Nội mỗi ngày vẫn đầy xác người chết đói, một hôm, trên căn gác nhà anh Nguyễn Huy Tưởng, sau chợ Đức Viên, tôi được cùng mấy anh trong Hội Văn hóa cứu quốc soạn bài cho tờ tạp chí Tiên Phong số 1. Báo bí mật nên bài vở gửi đến cũng không ký tên thật, chúng tôi làm công việc biên tập, không ai hỏi nhau điều gì tò mò về các tác giả, tuy đọc văn cũng thầm đoán được phần nào. Tôi còn nhớ phần nghị luận mở đầu là bài *Văn hóa là gì* (của anh Đặng Thai Mai) - phần truyện có *Buổi chiều xám* (của Nguyên Hồng) - và đến phần thơ, thì bài được chọn là *Những người chưa chết* (sau này sửa tên là *Chân trời đã rạng*). Riêng tôi lúc ấy chưa biết tác giả là ai và cũng chưa hiểu và cũng chưa hiểu gì nhiều về thơ, nhưng đọc những câu lục bát ấy, tôi nghe những lời thơ như những bàn tay nắm lại, bài thơ nặng sức dồn chứa của tình hình như nổi nước sôi lúc bấy giờ.

Ít lâu sau, đoàn thể tổ chức một cuộc họp rộng của Hội Văn hóa cứu quốc ở làng La Khê để cử đại biểu đi dự Đại

* Cho tập "Rau tần"

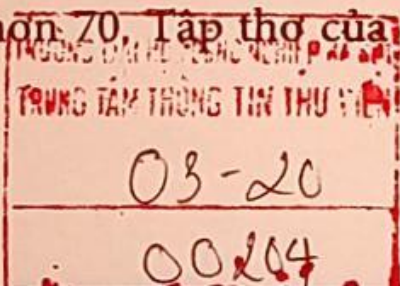
hội quốc dân ở Tân Trào và thông qua bản báo cáo “Một nền văn hóa mới” sẽ đưa lên đại hội. Cuộc họp có trên dưới 20 anh em, trước kia từng tiểu tổ bí mật năm ba người, tổ nào biết tổ nấy, nay mới gặp nhau, các nhà văn, nhà thơ, hai mươi, ba mươi tuổi, những anh đã quen thân nhau, cũng nhiều anh chỉ mới biết tên nhau trên sách báo, nay mới biết mặt nhau. Chúng tôi nhận ra nhau, hóa ra đã cùng ở tổ chức của Cách mạng, niềm vui nói sao cho xiết, tình thương yêu như dòng nước nguồn không cạn. Ở cuộc họp ấy, tôi được biết người “chủ nhà” hết sức chu đáo là bạn của anh Trần Huyền Trân, và anh Trân chính là tác giả của bài thơ *Những người chưa chết*. Tôi là cây bút mới vào nghề, được giới thiệu với nhà thơ, tôi không khỏi sợ sệt thẳm, nhưng anh Trân với nét mặt như của một người nơi đồng ruộng, với nụ cười không ồn ào và nhân hậu, đã làm cho tôi dễ gần ngay. Sau hai ngày chụm đầu vào nhau rì rầm, đến lúc chia tay, buổi tối hôm ấy, tôi đạp xe sang làng Dục Tú quê anh Nguyễn Huy Tưởng, trong bóng đêm đen kịt lúc qua cầu Đuống, cái vui của cuộc gặp ở La Khê vẫn như bao bọc quanh mình.

Rồi đến những ngày tháng Tám. Anh em trong Văn hóa cứu quốc được Đảng giao cho công việc mỗi người một nơi, anh nào cũng túi bụi mê mải. Tôi thỉnh thoảng mới gặp anh Trần Huyền Trân, chỉ biết là anh đang làm việc ở ngành sân khấu... Những tháng ngày không thể nào quên của năm 1945 – 1946, trong các đường phố Hà Nội, những làn sóng dữ dội của cách mạng và phản cách mạng đập vào nhau, bọn phản cách mạng trong nước thì yếu ớt, nhưng bọn phản

cách mạng nước ngoài thì có hàng chục vạn quân Tàu Tưởng, rồi đến hàng vạn quân Pháp trở lại. Rồi súng nổ ở Hải Phòng. Buổi sáng hôm ấy, trong không khí căng thẳng của Thủ đô đã cảm thấy chiến tranh đến gần, tôi đọc thấy trên tờ Cứu quốc bài *Hải Phòng 19-11-1946* của anh Trần Huyền Trân, bài thơ dài in suốt dọc trang báo. Vẫn cái hơi thơ bộc trực, và lần này dồn dập vang lên tiếng kèn trận. Riêng đối với tôi, lớn lên ở Hải Phòng, những câu thơ anh Trân nói về dòng sông Thái Bình, về những con phố, những chợ, những cầu của Hải Phòng càng âm vang thân thiết.

Những năm chống Pháp, chúng tôi sống ở núi đồi Việt Bắc, một lần qua Cao Vân, phía chân dãy Tam Đảo, tôi tìm vào gia đình anh Trần Huyền Trân. Chị và các cháu ở đây sống cuộc sống vất vả của bao nhiêu gia đình Hà Nội đi kháng chiến, chị - người diễn viên đã xuất hiện lộng lẫy trong vai Thị Lộ của vở kịch *Lệ Chi Viên* năm 1944 trên sân khấu Nhà hát lớn Hà Nội. Nay chị đánh vật với đất rừng, với sốt rét, trồng sắn làm vườn, và những lần giặc Pháp càn đến thì chị ôm các cháu mà chạy với bà con, trong lúc chồng đi xa suốt năm tháng. Hôm ấy tôi đến, may anh Trân cũng ở nhà, căn nhà nửa nhỏ trong đồi. Chúng tôi gặp nhau, ôm nhau cười nhiều hơn nói. Nhà không có gì thết khách, anh Trân đưa tôi ra bờ suối, buông câu tài tử, vậy mà cũng được mấy con cá nhỏ, bữa cơm dọn sẵn với con cá suối ấy là kỷ niệm quý tôi còn giữ mãi trong lòng.

... Vậy mà đã mấy chục năm, từ những ngày ấy... Năm nay anh Trần Huyền Trân đã hơn 70. Tập thơ của anh, tôi



MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản.....	7
Tiểu sử.....	9

THƠ

☸☸☸

Rau tần

Thu	19
Thay lời nói đầu.....	15
Mưa đêm lều vó	20
Mấy ngày mưa	22
Với Tần Đà	
I. Uống rượu.....	24
Mộng uống rượu với Tần Đà	27
II. Nhớ nhau.....	29
Khi đã về chiều.....	32
Tha hương	35

Lưu biệt.....	39
Thư bà.....	42
Đôi mùa.....	44
Những làn mây trắng.....	45
Đời một nhà văn.....	47
Thơ không có tên.....	49
Mười năm.....	51
Tương tư.....	53
Tiến biệt.....	55
Gửi người thù thơ (I).....	57
Sầu chung (I).....	59
Sầu chung.....	61
Chiều mưa xứ Bắc gửi người xứ Nam.....	62
Xuống dò.....	67
Đêm trừ tịch.....	70
Đôi ta.....	74
Chiều loạn.....	79
Say ca.....	81
Những người chưa chết.....	84
Bố về.....	87
Hải Phòng 19 - 11 - 1946.....	92
Mây.....	105
Vô tận nguồn hương.....	107

VĂN

๐๐๐

Sau ánh sáng

Sau ánh sáng..... 113

๐๐๐

Bóng người trên gác kinh.....267